

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2024
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Tươi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Tạ Quang Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Loan Anh, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp Ly hôn, con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1990

Địa chỉ: C ấp C, xã Q, huyện Đ, thành phố C.

- Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Thị A trình bày: bà A và ông Trần Văn P tự nguyện tiến tới hôn nhân từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ số 239/HT/Xã, quyển 02/2010 ngày 24 tháng 9 năm 2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, tôi đã về nhà mẹ ruột và sống ly thân với ông P từ đó đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Ông P và bà A đã nhiều lần tạo cơ hội để hàn gắn gia đình nhưng không có kết

quả. Bà A phải tự mình nuôi dạy con rất mệt mỏi nên xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Như Ý, nữ, sinh ngày 30.7.2011. Hiện tại con chung đang sống với bà A. Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: không có.

Theo bị đơn – ông Trần Văn P trình bày: Ông P thống nhất lời trình bày của bà A về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà A yêu cầu ly hôn thì ông P cũng đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Như Ý, nữ, sinh ngày 30.7.2011. Hiện tại con chung đang sống với bà A. Ông P đồng ý giao con chung chưa thành niên cho bà A nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn P có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do phải đi làm xa. Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã xét xử vụ án vắng mặt ông P theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn P xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ số 239/HT/Xã, quyển 02/2010 ngày 24 tháng 9 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và bị đơn ông Trần Văn P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Theo bà A trình bày quá trình chung sống bà A và ông Trần Văn P chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau và ông P không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà A đã tìm nhiều cách để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Bà A và ông P đã ly thân từ năm 2017 đến nay nên bà A xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn P. Ông P có ý kiến đồng ý ly hôn với bà A nên Hội đồng xét xử xét thấy

mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Như Ý, nữ, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2011. Hiện tại con chung đang sống ổn định với bà Nguyễn Thị A và bà A cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. Ông P cũng đồng ý giao cháu Ý cho bà A nuôi dưỡng. Để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Ý nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho bà Nguyễn Thị A nuôi là phù hợp. Về câu cầu cấp dưỡng nuôi con bà A không yêu cầu nên ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn P trình bày không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị A và ông Trần Văn P.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Thị Như Ý, nữ, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2011 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Văn P không ai được quyền ngăn cản.

- *Tài sản chung, nợ chung*: Không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị A nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0006232 ngày 25/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- UBND xã Nhơn Nghĩa;
- Lưu HS (2b).

Trần Hồng Tươi